

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 (đã chết năm 2020);

2. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1968;

Người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N:

1. Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1992;

2. Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1998;

Cùng có địa chỉ tại: Số 171 phố PKK, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thanh Sơn – Văn phòng Luật sư Thành Sơn và Đồng sự;

Địa chỉ: A808 Chung cư M3-M4 số 91 NCT, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội;

Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội;

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 30 phố BTX, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội;

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Tổ 46 phường QT, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội;

4. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Số 30 BTX, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội;

5. Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 31 ngõ 104 phố TĐT, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

(Bà T là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1941; Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1944; Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1970)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1949;

Địa chỉ: Thôn Giẽ Thượng, xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957;

3. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Thôn Thụy Phú, xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943;

Địa chỉ: Số 100 Phùng Khắc Khoan, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

5. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ 1, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

6. Ông Nguyễn Phương C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Tổ 59, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

7. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số 35, Đường Bưởi, Phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

8. Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Phố Sơn Lộc, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội.

9. Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Mai Trai, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tay) đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 07 diện tích 79m² tại địa chỉ: Số 100 phố Phùng Khắc Khoan, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội vào ngày 02/12/2008 và 03/12/2008 là vô hiệu, bên mua quyền sử dụng đất đã nhận lại đủ số tiền là 1.415.000.000 đồng, bên bán đã nhận lại diện tích thửa đất số thửa đất số 78, tờ bản đồ số 07 diện tích 79m² tại địa chỉ: Số 100 phố Phùng Khắc Khoan, phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội;

2. Về việc giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, các bên thống nhất lỗi của các bên là 50/50; Thống nhất việc đã thực hiện việc thỏa thuận thi hành án theo Biên bản thỏa thuận thi hành án ngày 11/01/2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội.

3. Về yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Nguyễn Thị T là đại diện cho các đồng bị đơn khác về việc giải quyết hậu quả của việc thi hành án theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 176/2011/DS-GĐT ngày 21/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội: Do Quyết định giám đốc thẩm số: 09/2015/DS-GĐT ngày 04/02/2015 đã tuyên hủy Bản án dân sự phúc thẩm số: 176/ 2011/DS-PT ngày 21/09/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2011/DSST ngày 30/6/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội xác định lỗi của bên nhận chuyển nhượng và bên chuyển nhượng là như nhau nên hậu quả do các bên đã thỏa thuận thi hành án về phần lỗi theo Bản án dân sự phúc thẩm số: 176/ 2011/DS-PT ngày 21/09/2011 của Tòa án

nhân dân thành phố Hà Nội, bà T và các đồng bị đơn khác được thanh toán phần chênh lệch đã thi hành án trong khoản tiền 2.491.875.000 đồng. Đến nay các bên thống nhất thỏa thuận việc giải quyết phần chênh lệch so với nội dung Quyết định giám đốc thẩm số: 09/2015/DS-GĐT ngày 04/02/2015 là hậu quả của việc thi hành án như sau: Bà Trịnh Thị T và anh Nguyễn Hoàng N đã thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Bà T và bà H đã nhận đủ số tiền trên.

4. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Xuân T và chị Hoàng Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Xuân T. Chị Hoàng Thị Thu H có đơn trình bày điều kiện kinh tế khó khăn do dịch bệnh Covid-19 nên miễn án phí cho chị H. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0007980 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây; Hoàn trả cho bà Trịnh Thị T số tiền tạm ứng án phí 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0007981 ngày 01/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện KSND TX. Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX. Sơn Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Hiểu